TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 522/2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Thanh Hà

Ông Đặng Khải Văn

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị M; sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: 299/30E LQS, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 424/9/25 NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh H; sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: 299/30E LQS, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 424/9/25 NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Ngô Thị M trình bày:

Bà Ngô Thị M và ông Trần Minh H tự nguyện sống chung từ năm 2000 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 06, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/02/2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại địa chỉ 136/63A HG, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với gia đình chồng. Sau nhiều lần thay đổi chỗ ở, đến cuối năm 2004 ông, bà chuyển ra thuê nhà tại địa chỉ 424/9/25 NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay.

Từ trước đến sau khi kết hôn, ông H không đi làm nên những chi phí trong gia đình đều do bà M lo liệu do đó cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng vì thấy chồng cũng hiền và thương con nên bà M vẫn cố nhẫn nhịn. Từ năm 2019,

ông H bắt đầu ăn nhậu, say xỉn rồi về nhà chửi mắng vợ con. Ngoài ra, ông H còn hay cờ bạc. Hai bên đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2021 bà M có nộp đơn ly hôn nhưng do ông H hứa sẽ sửa đổi nên bà đã rút đơn về và Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 382/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2021. Tuy nhiên, sau khi rút đơn thì ông H chỉ thay đổi một thời gian ngắn, sau đó thì ông H vẫn chứng nào tật nấy. Mỗi tháng ông H chỉ đưa cho bà M 1.000.000 đồng để phụ đóng tiền nhà, còn lại các chi phí khác bà M phải tự lo. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng rất ít khi nói chuyện với nhau. Nay bà M xác định đã không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Minh H.

Về con chung: có 01 (một) con chung là Trần Tiểu Bình, sinh ngày 08/02/2004 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Trần Minh H trình bày: ông Trần Minh H và bà Ngô Thị M tự nguyện sống chung năm 2000, có thì đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường 06, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/02/2001.

Quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc dù ông H rất ít khi đi làm. Đến năm 2019, do bản thân chưa có việc làm, có thời gian rảnh nên ông có ăn nhậu say xỉn và cờ bạc nhưng mâu thuẫn vợ chồng cũng chưa đến mức căng thẳng, và bà M cũng không có ý kiến gì nhiều. Đến năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng hơn, vợ chồng đã nói chuyện nhiều lần để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Sau đó, bà M nộp đơn ly hôn và được Tòa hòa giải hàn gắn tình cảm nên bà M đã rút đơn và được Tòa án đình chỉ. Từ sau khi hòa giải, ông H đã đi làm, lương tháng khoảng tầm 8.000.000 đ (tám triệu đồng)/tháng và có đưa tiền phụ vợ mỗi tháng là 1.000.000 đ (Một triệu đồng) để trang trải cuộc sống gia đình. Hiện tại ông H cũng đã cố gắng thay đổi, hạn chế cờ bạc và ít nhậu nhẹt say xỉn, chửi mắng vợ con. Vợ chồng hiện vẫn đang sống chung nhà, nhưng ít nói chuyện với nhau. Ông H xác định vẫn còn tình cảm với bà Ngô Thị M nên mong Tòa án tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Về con chung: có 01 (một) con chung là Trần Tiểu Bình, sinh ngày 08/02/2004 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 22, quyển số 01/2001, do UBND Phường 6, Quận 6 cấp ngày 27/02/2021 thì ông Trần Minh H và bà Ngô Thị M có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông H cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Mai có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...", khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "…Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Cả bà Ngô Thị M và ông Trần Minh H đều nhìn nhận vợ chồng có mâu thuẫn do ông H không đi làm nhưng lại thường nhậu nhẹt, cờ bạc, chửi mắng vợ con, không quan tâm, chăm sóc gia đình; năm 2021, bà M đã có lần làm đơn xin ly hôn nhưng được tòa án hòa giải nên rút đơn để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên từ đó đến nay tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Cho thấy mối quan hệ giữa bà M và ông H không còn gắn bó, yêu thương nhau nên mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng rất ít nói chuyện với nhau do không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa, ông H xin có thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng phía bà M vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà M là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị M phải nộp án phí DSST theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị M đối với ông Trần Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn 22, quyển số 01/2001, do UBND Phường 6, Quận 6 cấp ngày 27/02/2021 cho bà Ngô Thị M và ông Trần Minh H không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Có 01 (một) con chung là Trần Tiểu Bình, sinh ngày 08/02/2004 đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị M phải nộp án phí dân sư sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Mai đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0012224 ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND P6, Quận 6 TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Minh Châu